TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2019
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐ-ST ngày 07/5/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 076/2 tổ 2 ấp Đ, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Dương Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị N có mặt. Bị đơn anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Bùi Thị N trình bày:

Chị với anh Dương Văn L kết hôn với nhau vào năm 2001, hôn nhân do quen biết, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày

20/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng, đến năm 2013 thì cất nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ chồng cho. Vợ chồng sống êm ấm, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong tình cảm vợ chồng, anh L có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và sống như vợ chồng với người đó, bỏ bê gia đình, vợ con… Áp lực cuộc sống ngày càng đè nặng, thời gian kéo dài chị không chịu đựng được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng nhiều không hòa giải được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N xin được ly hôn với anh Dương Văn L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Hoàng P sinh ngày 10/01/2002 và Dương Hoàng Kim T sinh ngày 26/10/2011 hiện nay đang sống với chị N. Sau ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị N xin rút lại phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các phần khác vẫn giữ nguyên không thay đổi.

* Về phía bị đơn anh Dương Văn L: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh L nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh L vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Dương Văn L có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Bị đơn anh Dương Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

- Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị Bùi Thị N và anh Dương Văn L chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển số 01/2005 ngày 02/8/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu của chị Bùi Thị N, thấy: Vợ chồng chị Bùi Thị N và anh Dương Văn L đã sống ly thân từ khoảng 02 năm nay. Chị N trình bày rằng do anh L có quan hệ và sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác, bỏ bê không chăm lo đến gia đình, vợ con. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh L vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N để xây dựng hạnh P gia đình và chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N.

[5] Về quan hệ con chung, thấy: Từ khi sống ly thân cho đến nay cháu Dương Hoàng P sống với anh L, Dương Hoàng Kim T sống với chị N. Mặt khác, cháu P cũng có nguyện vọng được sống với ba, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Dương Hoàng P cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung Dương Hoàng Kim T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa chị N xin rút lại phần yêu cầu này. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị N là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ về phần yêu cầu cấp dưỡng.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Dương Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 34 quyển số 01/2005 ngày 02/8/2005 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Chị Bùi Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Dương Hoàng Kim T sinh ngày 26/10/2011.

Anh Dương Văn L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Dương Hoàng P sinh ngày 10/01/2002.

Chị N và anh L phải tạo điều kiện cho nhau được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị N về phần cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì Bùi Thị N và anh Dương Văn L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014990 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Bùi Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cơ trú để yêu cầu xem xét P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hoài Lâm